

Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2024-CBTT

Bình Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2024



CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần CIC39
 - Mã chứng khoán: C32
 - Địa chỉ: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
 - Điện thoại liên hệ: 0274.3759446 - Fax: 0274.3755605
 - E-mail: cic39bd@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố: (Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế).

Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2024 và giải trình kết quả kinh doanh so với cùng kỳ năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/10/2024 tại đường dẫn: www.cic39.vn - Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính – Năm 2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động KD;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (ppgt);
- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Công văn giải trình số 678/CTY-TC ngày 28/10/2024.

Người ủy quyền công bố thông tin

Lữ Minh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 678 /CTY-TC

Bình Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2024

V/v giải trình biến động lợi nhuận
báo cáo tài chính riêng quý 3 năm
2024 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Công ty Cổ phần CIC39

Mã chứng khoán: C32

Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3759446

Fax: 0274.3755605

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần CIC39.

Công ty Cổ phần CIC39 xin giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Lợi nhuận sau thuế	Quý 3/2024	Quý 3/2023	% chênh lệch
Báo cáo riêng	2.408.309.676	1.488.888.652	61,75%

Nguyên nhân:

❖ Báo cáo tài chính riêng Quý 3/2024 có sự biến động lợi nhuận tăng so với quý 3/2023 do các nguyên nhân chính sau: Mặc dù doanh thu Quý 3/2024 giảm 7,3% nhưng do cơ cấu doanh thu thay đổi tăng ở các lĩnh vực có tỷ lệ lãi gộp cao hơn nên đã làm lãi gộp tăng 45,1% tương ứng tăng 4,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên hoạt động tài chính giảm 2,5 tỷ đồng do giảm lãi tiền gửi, cổ tức nhận được và không có khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư như quý 3/2023. Thu nhập khác giảm do không có khoản thanh lý tài sản như cùng kỳ năm trước. Tổng hợp các nguyên nhân trên đã làm lợi nhuận quý 3/2024 tăng 61,75% so với cùng kỳ.

2

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh dẫn đến biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính Quý 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023./.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT/TC/4

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Văn Lĩnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

MST: 3700146225



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39**

Thuận An, tháng 10/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		318.123.924.093	424.025.565.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.1	50.220.964.846	63.173.666.263
1. Tiền	111		36.220.964.846	49.173.666.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.014.999.872	45.786.556.067
1. Chứng khoán kinh doanh	121	III.2b	46.391.537.514	49.901.236.366
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	III.2b	(2.376.537.642)	(4.114.680.299)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	III.2a		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.691.276.233	215.511.418.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	III.3	113.838.960.401	160.167.874.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	III.4	34.300.758.464	7.775.461.613
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	III.5a	8.642.627.307	77.061.730.337
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	III.6	(34.091.069.939)	(29.493.648.138)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	III.7	98.939.230.017	95.799.786.321
1. Hàng tồn kho	141		106.072.389.771	103.986.936.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.133.159.754)	(8.187.150.353)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.257.453.125	3.754.138.971
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	III.8a	635.417.314	1.243.321.271
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	III.15	1.622.035.811	2.510.817.700
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		485.334.234.150	432.530.352.054
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		66.960.978.000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	III.5b	66.960.978.000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		140.674.047.765	151.659.217.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	III.9	85.158.066.683	94.766.752.785
- Nguyên giá	222		255.062.043.405	254.571.601.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(169.903.976.722)	(159.804.849.003)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	III.10	55.515.981.082	56.892.464.239
- Nguyên giá	228		101.647.895.261	101.647.895.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(46.131.914.179)	(44.755.431.022)
III. Bất động sản đầu tư	230	III.11	2.975.953.285	3.279.719.638
- Nguyên giá	231		8.331.392.116	8.331.392.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.355.438.831)	(5.051.672.478)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.971.415.099	1.626.513.370
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	III.12	2.971.415.099	1.626.513.370
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		211.550.103.638	213.342.381.245
1. Đầu tư vào công ty con	251	III.2c	36.850.000.000	36.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	III.2c	136.907.156.453	136.907.156.453
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	III.2c	22.700.887.800	22.700.887.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(907.940.615)	(385.663.008)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	III.2a	16.000.000.000	17.270.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		60.201.736.363	62.622.520.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	III.8b	60.201.736.363	62.622.520.777
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		803.458.158.243	856.555.917.930

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		267.180.422.119	328.578.069.072
I. Nợ ngắn hạn	310		267.180.422.119	328.578.069.072
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	III.13	14.152.844.101	19.274.722.094
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	III.14	25.597.744.404	48.344.481.060
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	III.15	377.586.699	
4. Phải trả người lao động	314		4.714.072.294	3.315.280.827
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	III.17	20.748.904.509	5.154.428.118
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		66.909.066	16.727.251
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	III.18	6.057.473.068	5.051.424.114
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	III.19	195.105.642.824	245.624.922.212
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	III.20	359.245.154	884.602.811
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			911.480.585
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		536.277.736.124	527.977.848.858
I. Vốn chủ sở hữu	410		536.277.736.124	527.977.848.858
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	III.21	150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	III.21	2.190.000.000	2.190.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415	III.21	(20.100.000)	(20.100.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	III.21	216.217.666.135	216.217.666.135
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	III.21	167.588.719.989	159.288.832.723
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		158.928.832.723	159.288.832.723
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.659.887.266	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		803.458.158.243	856.555.917.930



Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Nguyễn Thị Cẩm Vân
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MST: 3700146225**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

(Dạng đầy đủ)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.1	121.689.595.319	131.334.764.305	476.111.905.230	351.450.165.115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	IV.2	17.882.400	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		121.671.712.919	131.334.764.305	476.111.905.230	351.450.165.115
4. Giá vốn hàng bán	11	IV.3	107.134.734.615	121.319.056.843	430.095.604.724	314.772.948.590
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.536.978.304	10.015.707.462	46.016.300.506	36.677.216.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.4	913.398.306	1.541.441.354	4.166.046.105	12.302.524.144
7. Chi phí tài chính	22	IV.5	3.325.967.791	1.377.956.948	7.809.356.656	9.029.353.074
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.947.879.006	3.755.874.023	8.990.710.777	14.031.929.226
8. Chi phí bán hàng	24	IV.6	5.738.651.631	5.816.069.017	19.051.560.200	20.495.435.445
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	IV.7	4.473.682.785	3.851.280.792	16.709.501.483	12.711.392.932
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.912.074.403	511.842.059	6.611.928.272	6.743.559.218
11. Thu nhập khác	31	IV.8	731.527.887	1.166.775.411	2.447.442.011	1.236.576.645
12. Chi phí khác	32	IV.9	182.889.862	150.105.975	347.080.265	285.274.142
13. Lợi nhuận khác	40		548.638.025	1.016.669.436	2.100.361.746	951.302.503

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39**MST: 3700146225**

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.460.712.428	1.528.511.495	8.712.290.018	7.694.861.721
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	III.16	52.402.752	39.622.843	52.402.752	39.622.843
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.408.309.676</u>	<u>1.488.888.652</u>	<u>8.659.887.266</u>	<u>7.655.238.878</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Nguyễn Thị Cẩm Vân
Người lập biểuNguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.712.290.018	7.694.861.721
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.765.661.039	18.546.215.491
- Các khoản dự phòng	03		1.802.208.495	(4.410.391.513)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.294.745.025)	(12.663.717.589)
- Chi phí lãi vay	06		8.990.710.777	14.031.929.226
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.976.125.304	23.198.897.336
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.092.790.841	6.166.128.412
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.085.453.097)	(29.798.922.177)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.533.130.804)	(23.396.192.325)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.028.688.852	762.031.602
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		3.509.698.852	(430.980.456)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.069.024.123)	(14.176.536.025)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.529.853.415	948.260.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.191.621.797)	(1.674.232.169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.257.927.443	(38.401.545.802)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.613.377.156)	(4.659.177.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		150.000.000	714.545.456
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		1.270.000.000	(11.802.990.643)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	87.942.163.236
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	350.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.502.027.684	12.747.451.628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.308.650.528	85.291.992.162

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		476.927.944.187	365.916.588.919
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(527.447.223.575)	(476.027.751.776)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(15.029.019.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(50.519.279.388)</i>	<i>(125.140.182.457)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.952.701.417)	(78.249.736.097)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		63.173.666.263	97.399.693.822
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		50.220.964.846	19.149.957.725,00

Nguyễn Thị Cẩm Vân
Người lậpNguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Võ Văn Lành
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CIC39 (đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai (12) ngày 18 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.301.450.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 150.301.450.000 VND; tương đương 15.030.145 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là: 202 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 222 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đá, bê tông, gạch; Xây dựng các công trình; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe, cho thuê công cụ dụng cụ xây dựng.

4. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 - Xí nghiệp Đá xây dựng

Địa chỉ
Thành phố Dĩ An,
tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất Đá xây dựng

Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 - Xí nghiệp Cống Bê tông

Thành phố Tân
Uyên, tỉnh Bình
Dương

Sản xuất Cống Bê tông

Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 - Xí nghiệp Gạch Bê tông

Thành phố Thuận
An, tỉnh Bình
Dương

Sản xuất Gạch Bê tông

Địa điểm Kinh doanh Công ty Cổ phần CIC39 - Xưởng Bê tông Long Nguyên

Huyện Bàu Bàng,
tỉnh Bình Dương

Kinh doanh Bê tông

Địa điểm Kinh doanh Công ty Cổ phần CIC39 - Trung tâm Kinh doanh Vật liệu xây dựng 279

Thành phố Thuận
An, tỉnh Bình
Dương

Kinh doanh Vật liệu xây dựng

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số III.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Định mức chi phí nguyên vật liệu/chi phí nhân công đối với các hợp đồng xây dựng;
- Ước tính các khoản dự phòng phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

10. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là hợp đồng bằng văn bản được thỏa thuận về việc xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và đã được khách hàng xác nhận và nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn, chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 22	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04	năm
- Quyền sử dụng đất	30 - 47	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- | | | |
|--------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 - 18 | năm |
| - Cơ sở hạ tầng | 06 | năm |

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

14. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 84 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

17. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trích trước công trình xây lắp, chi phí hỗ trợ địa phương và phục hồi mỏ đá... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập cho các công trình xây dựng đã hoàn thành và nghiệm thu theo cam kết với khách hàng nhưng không quá 5% giá trị hợp đồng. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

21. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

22. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;

Doanh thu từ Hợp đồng xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh số II.10.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn Hợp đồng xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành phù hợp với doanh thu và được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

25. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

28. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30-09-2024	01-01-2024
Tiền mặt	1.111.911.165	565.559.936
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.109.053.681	48.583.306.327
Tiền đang chuyển	-	24.800.000
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc 03 tháng) (*)	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	50.220.964.846	63.173.666.263

(*) Tại ngày 30/09/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 14.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương với lãi suất 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn	16.000.000.000	-	17.270.000.000	-
- Trái phiếu (*)	16.000.000.000	-	17.270.000.000	-
	16.000.000.000	-	17.270.000.000	-

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn tại ngày 30/09/2024 như sau:

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất	Mệnh giá	Số lượng trái phiếu	30/09/2024
					VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	07 năm Đáo hạn ngày 30/08/2030	Lãi suất thả nổi	1.000.000.000	10	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10 năm Đáo hạn ngày 30/07/2030	Lãi suất thả nổi	100.000	60.000	6.000.000.000
					16.000.000.000

(*) Tại ngày 30/09/2024, các khoản trái phiếu Công ty đang nắm giữ do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có tổng giá trị 10.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số III.19)

2b. Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (SJD)	18.872.065.270	18.056.570.000	(815.495.270)	18.190.113.875	16.566.000.000	(1.624.113.875)
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vinal - VNSTEEL (VGL)	15.822.791.067	17.090.300.000	-	15.822.791.067	17.090.300.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (TCW)	7.451.388.805	7.723.470.000	-	10.321.562.389	9.634.170.000	(687.392.389)
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC)	4.089.615.570	2.588.250.000	(1.501.365.570)	3.735.084.570	2.278.875.000	(1.456.209.570)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (OIL)	-	-	-	210.315.000	200.000.000	(10.315.000)
Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (DVM)	155.676.802	96.000.000	(59.676.802)	44.510.302	34.800.000	(9.710.302)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (D2D)	-	-	-	1.576.859.163	1.249.920.000	(326.939.163)
	46.391.537.514	45.554.590.000	(2.376.537.642)	49.901.236.366	47.054.065.000	(4.114.680.299)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 29/12/2023 và 30/09/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	36.850.000.000		(191.217.470)	36.850.000.000		(161.004.520)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước	36.850.000.000		(191.217.470)	36.850.000.000		(161.004.520)
Đầu tư vào Công ty liên kết	136.907.156.453	38.336.650.000	-	136.907.156.453	48.966.357.500	-
- Công ty Cổ phần Miền Đông (MDG) (*)	42.218.832.208	38.336.650.000		42.218.832.208	48.966.357.500	
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	94.688.324.245			94.688.324.245		
Đầu tư vào đơn vị khác	22.700.887.800		(716.723.145)	22.700.887.800		(224.658.488)
- Công ty Cổ phần BOT Đường Đồng Phú - Bình Dương	22.500.000.000		(515.835.345)	22.500.000.000		(23.770.688)
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	200.887.800		(200.887.800)	200.887.800		(200.887.800)
	196.458.044.253	38.336.650.000	(907.940.615)	196.458.044.253	48.966.357.500	(385.663.008)

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 29/12/2023 và 30/09/2024.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong kỳ:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước	Tỉnh Bình Phước	94,85%	94,85%	Khai thác, chế biến đá
Công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Miền Đông	Tỉnh Đồng Nai	33,76%	33,76%	Sản xuất khai thác đá, kinh doanh bất động sản và hoạt động thi công xây lắp
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An (*)	Tỉnh Long An	42,50%	42,50%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần BOT Đường Đồng Phú - Bình Dương	Tỉnh Bình Phước	10,00%	10,00%	Kinh doanh BOT các công trình giao thông
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,52%	3,52%	Tư vấn quản lý, hoạt động thi kế chuyên dụng

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 14/NQ-HĐQT ngày 31/07/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết nghị thông qua chủ trương bán toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	45.223.210.071	(24.115.779.500)	63.121.235.184	(24.115.779.500)
Công ty Cổ phần Miền Đông	43.316.011.703	(24.115.779.500)	58.005.644.691	(24.115.779.500)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	1.907.198.368	-	5.115.590.493	-
Bên khác	68.615.750.330	(9.975.290.439)	97.046.639.258	(5.377.868.638)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Đại Đông Hồ	26.750.015.407	(4.635.414.714)	28.917.579.459	-
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bàn thạch Bình Dương	6.879.610.705	-	3.789.612.428	-
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Nguyên Cát	3.312.921.824	-	280.350.720	-
Phải thu các khách hàng khác	31.673.202.394	(5.339.875.725)	64.059.096.651	(5.377.868.638)
	113.838.960.401	(34.091.069.939)	160.167.874.442	(29.493.648.138)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
Trả trước cho các bên liên quan	3.716.010.409	-
Công ty Cổ Phần Miền Đông	3.716.010.409	-
Trả trước cho các khách hàng khác	30.584.748.055	7.775.461.613
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thương mại Phú Đông Phát	16.306.711.942	6.320.639.577
Hợp tác xã Phúc Tài	904.104.796	811.649.503
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Phú Anh Phát	6.867.723.772	-
Các nhà cung cấp khác	6.506.207.545	643.172.533
	34.300.758.464	7.775.461.613

5. Phải thu khác

5a. Ngắn hạn	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	114.825.795	-	443.062.301	-
Phải thu về lãi chậm thanh toán	1.629.487.993	-	427.859.608	-
Phải thu về quỹ khen thưởng, phúc lợi	679.373.415	-	-	-
Tạm ứng	978.200.000	-	70.830.947.657	-
Ký cược, ký quỹ	5.227.528.896	-	5.227.256.099	-
Phải thu khác	13.211.208	-	132.604.672	-
	8.642.627.307	-	77.061.730.337	-
5b. Dài hạn				
Tạm ứng (*)	66.960.978.000	-	-	-
5c. Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Miền Đông	1.396.090.236	-	395.679.308	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	233.397.757	32.180.300
	<u>1.629.487.993</u>	<u>427.859.608</u>

(*) Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xin cấp Giấy phép để thực hiện các dự án của Công ty tại xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và tại xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại ngày 01/01/2024, các khoản tạm ứng này đang được phân loại và trình bày là khoản tạm ứng ngắn hạn, tuy nhiên do việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý để xin cấp Giấy phép thực hiện các dự án nêu trên kéo dài trên 12 tháng, do đó Công ty đã thực hiện phân loại lại các khoản tạm ứng này sang dài hạn để phản ánh đúng bản chất của các khoản tạm ứng này.

6. Nợ xấu

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	45.271.988.248	11.180.918.309	30.045.224.994	551.576.856
- Công ty Cổ phần Miền Đông	24.115.779.500	-	24.115.779.500	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Đại Đông Hồ	15.451.382.380	10.815.967.666	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	2.087.609.955	-	2.087.609.955	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thiên Bảo Thành	1.328.429.946	-	1.328.429.946	-
- Các khoản khác	2.288.786.467	364.950.643	2.513.405.593	551.576.856
	<u>45.271.988.248</u>	<u>11.180.918.309</u>	<u>30.045.224.994</u>	<u>551.576.856</u>

7. Hàng tồn kho

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.224.988.184	(22.520.648)	14.596.500.725	(10.671.302)
Công cụ, dụng cụ	2.011.779.712	-	707.936.555	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.250.020.649	(6.161.776.443)	8.066.300.111	(6.161.776.443)
Thành phẩm	75.328.119.124	(948.862.663)	80.295.238.781	(2.014.700.909)
Hàng hóa	257.482.102	-	320.960.502	(1.699)
Cộng	106.072.389.771	(7.133.159.754)	103.986.936.674	(8.187.150.353)

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ	90.354.971	362.574.123
Chi phí sửa chữa	507.685.398	811.223.444
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	37.376.945	69.523.704
Cộng	635.417.314	1.243.321.271

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ	2.256.045.168	4.484.817.761
Quyền sử dụng đất (*)	42.744.492.526	43.513.893.391
+ Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	37.529.722.666	38.205.257.671
+ Tiền thuê đất trả 1 lần	5.214.769.860	5.308.635.720
Tiền thuê đất (**)	13.028.938.926	13.281.054.792
Chi phí sửa chữa	1.640.469.562	973.968.023
Các chi phí trả trước dài hạn khác	531.790.181	368.786.810
Cộng	60.201.736.363	62.622.520.777

(*) Giá trị quyền sử dụng đất để triển khai thực hiện dự án Xưởng Bê Tông Thạnh Phước, khu đất nhận chuyển nhượng với diện tích 45.161,7 m² tại phường Thạnh Phước, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 621056 ngày 15/07/2016 (nay đổi tên thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 931879 ngày 04/05/2022). Trong đó, giá trị nhận chuyển nhượng là 45,161 tỷ VND và chi phí thuê đất trả tiền một lần là 6,216 tỷ VND, thời hạn sử dụng đất đến ngày 03/06/2066 theo Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Ủy ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (nay là Công ty Cổ phần CIC39) chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

(**) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản chi phí tiền thuê đất xem tại Thuyết minh số 22b.

Tại ngày 30/09/2024, chi phí tiền thuê đất trả trước cho Thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12, phường Bình Chuẩn và thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 91, phường Thuận Giao, tp. Thuận An, Bình Dương, DT: 1.236,2 và 816,1 m² và thời hạn thuê đến 13/08/2068. Giá trị còn lại cuối kỳ là 7.236.191.286 VND (tại ngày 01/01/2024 là 7.359.769.503 VND), đang được dùng làm tài sản cầm cố, thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 19).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	77.610.377.076	135.675.950.422	39.822.809.383	1.462.464.907	254.571.601.788
- Mua trong kỳ	-	1.056.454.545	147.000.000	-	1.203.454.545
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	273.270.882	-	-	-	273.270.882
- Thanh lý, nhượng bán	-	(185.760.000)	(800.523.810)	-	(986.283.810)

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Số dư cuối kỳ	<u>77.883.647.958</u>	<u>136.546.644.967</u>	<u>39.169.285.573</u>	<u>1.462.464.907</u>	<u>255.062.043.405</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	45.945.964.423	82.034.304.175	30.470.764.915	1.353.815.490	159.804.849.003
- Khấu hao trong kỳ	2.943.718.637	6.058.794.923	2.055.296.094	27.601.875	11.085.411.529
- Thanh lý, nhượng bán	-	(185.760.000)	(800.523.810)	-	(986.283.810)
Số dư cuối kỳ	<u>48.889.683.060</u>	<u>87.907.339.098</u>	<u>31.725.537.199</u>	<u>1.381.417.365</u>	<u>169.903.976.722</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	31.664.412.653	53.641.646.247	9.352.044.468	108.649.417	94.766.752.785
Tại ngày cuối kỳ	<u>28.993.964.898</u>	<u>48.639.305.869</u>	<u>7.443.748.374</u>	<u>81.047.542</u>	<u>85.158.066.683</u>

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	100.504.903.261	1.142.992.000	101.647.895.261
Số cuối kỳ	<u>100.504.903.261</u>	<u>1.142.992.000</u>	<u>101.647.895.261</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	43.775.995.887	979.435.135	44.755.431.022
Khấu hao trong kỳ	1.310.465.151	66.018.006	1.376.483.157
Số cuối kỳ	<u>45.086.461.038</u>	<u>1.045.453.141</u>	<u>46.131.914.179</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	56.728.907.374	163.556.865	56.892.464.239
Số cuối kỳ	<u>55.418.442.223</u>	<u>97.538.859</u>	<u>55.515.981.082</u>

11. Bất động sản đầu tư cho thuê

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.374.299.499	957.092.617	8.331.392.116
Số cuối kỳ	<u>7.374.299.499</u>	<u>957.092.617</u>	<u>8.331.392.116</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.098.296.879	953.375.599	5.051.672.478
Khấu hao trong kỳ	300.049.335	3.717.018	303.766.353
Số cuối kỳ	<u>4.398.346.214</u>	<u>957.092.617</u>	<u>5.355.438.831</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.276.002.620	3.717.018	3.279.719.638
Số cuối kỳ	<u>2.975.953.285</u>	<u>-</u>	<u>2.975.953.285</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình xưởng Bê tông Thanh Phước - Giai đoạn 2	2.971.415.099	1.560.801.386
Công trình xưởng gạch Thuận Giao	-	52.537.902
Các công trình khác	-	13.174.082
	<u>2.971.415.099</u>	<u>1.626.513.370</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	9.986.772.587	9.986.772.587
Công ty Cổ phần Miền Đông	-	-	9.986.772.587	9.986.772.587
<i>Bên khác</i>	14.152.844.101	14.152.844.101	9.287.949.507	9.287.949.507
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Huỳnh đệ Tư Gia	4.796.079.662	4.796.079.662	34.399.992	34.399.992
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Thi công Cơ giới Hợp Nhân	1.383.706.800	1.383.706.800	2.054.637.000	2.054.637.000
Phải trả các đối tượng khác	7.973.057.639	7.973.057.639	7.198.912.515	7.198.912.515
	<u>14.152.844.101</u>	<u>14.152.844.101</u>	<u>19.274.722.094</u>	<u>19.274.722.094</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng TP. Thuận An	7.065.472.167	13.540.145.167
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng TP. Dĩ An	5.168.981.472	5.692.000.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng TP. Thủ Dầu Một	1.977.290.501	7.064.588.782
Ông Biện Thanh Nhân	3.496.416.000	3.496.416.000
Các khách hàng khác	7.889.584.264	18.551.331.111
	<u>25.597.744.404</u>	<u>48.344.481.060</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/09/2024	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	839.141.852	1.216.728.551	-	377.586.699	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.224.413.526	52.402.752	-	-	1.172.010.774
Thuế thu nhập cá nhân	-	447.262.322	(2.762.715)	-	-	450.025.037
Thuế GTGT hàng bán bị trả lại	-	-	1.430.592	(1.430.592)	-	-
Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
	-	<u>2.510.817.700</u>	<u>1.275.799.180</u>	<u>(9.430.592)</u>	<u>377.586.699</u>	<u>1.622.035.811</u>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%. Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31/12/2024 áp dụng theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ có một số loại hàng hóa dịch vụ áp dụng thuế suất 8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.712.290.018	7.694.861.721
Các khoản điều chỉnh tăng	455.267.720	88.322.494
- Chi phí không hợp lệ	90.818.040	37.272.814
- Các khoản bị phạt	320.300.000	6.900.000
- Chi phí khấu hao	44.149.680	44.149.680
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.167.557.738)	(7.587.554.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.113.192.500)	(7.587.554.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(7.054.365.238)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	195.630.215
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	39.126.043
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	52.402.752	496.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp (phải thu)/phải nộp đầu kỳ	(1.224.413.526)	(1.224.413.526)
Thuế TNDN (phải thu)/phải nộp cuối kỳ	(1.172.010.774)	(1.184.790.683)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
Chi phí tạm tính trong hoạt động xây lắp	20.693.700.524	4.692.415.309
Chi phí hỗ trợ địa phương và phục hồi mỏ đá Tân Đông Hiệp	55.203.985	462.012.809
	20.748.904.509	5.154.428.118

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	78.638.140	78.165.000
Cổ tức phải trả	27.342.075	27.342.075
Phải trả tiền tạm giữ bảo hành công trình của các đội thi công, thầu phụ	4.475.520.442	3.644.073.474
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.133.097.137	883.097.137
Chi phí lãi vay phải trả	194.274.156	272.587.502
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	148.601.118	146.158.926
	6.057.473.068	5.051.424.114

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

19. Các khoản vay ngắn hạn

	01/01/2024		Trong kỳ		30/09/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	245.624.922.212	245.624.922.212	476.927.944.187	527.447.223.575	195.105.642.824	195.105.642.824
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương ⁽ⁱ⁾	241.332.072.814	241.332.072.814	471.198.869.962	523.154.374.177	189.376.568.599	189.376.568.599
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	4.292.849.398	4.292.849.398	5.729.074.225	4.292.849.398	5.729.074.225	5.729.074.225
	<u>245.624.922.212</u>	<u>245.624.922.212</u>	<u>476.927.944.187</u>	<u>527.447.223.575</u>	<u>195.105.642.824</u>	<u>195.105.642.824</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 420.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp trái phiếu ngân hàng cùng một số tài sản khác gồm: chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng một số tài sản gồm: chi phí trả trước là quyền sử dụng đất và tài sản cố định vô hình.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	884.602.811	897.339.561
Tăng do trích lập	-	346.232.944
Số sử dụng	(36.583.091)	(365.970.729)
Số hoàn nhập	(488.774.566)	-
Số cuối kỳ	<u>359.245.154</u>	<u>877.601.776</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/09/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Bùi Thu Huyền	24,02	36.103.220.000	23,95	36.003.220.000
Bà Phạm Thị Thu Thủy	10,06	15.120.000.000	7,00	10.520.000.000
Hợp tác xã Phúc Tài	7,90	11.879.080.000	5,00	7.509.080.000
Các cổ đông khác	58,01	87.189.150.000	64,04	96.259.150.000
Cổ phiếu quỹ	0,01	10.000.000	0,01	10.000.000
	100,00	150.301.450.000	100,00	150.301.450.000

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.301.450.000	150.301.450.000
- Vốn góp đầu kỳ	150.301.450.000	150.301.450.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.301.450.000	150.301.450.000
Cổ tức, lợi nhuận	-	15.030.145.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	27.342.075	26.216.675
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	15.030.145.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	15.030.145.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(15.029.019.600)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	(15.029.019.600)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	27.342.075	27.342.075

21d. Cổ phiếu

	30/09/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.030.145	15.030.145
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	15.030.145
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.000	1.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000	1.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.029.145	15.029.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.029.145	15.029.145
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

21e. Các quỹ công ty

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	216.217.666.135	216.217.666.135
	216.217.666.135	216.217.666.135

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/09/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.551.909.095	2.432.090.909
- Trên 1 năm đến 5 năm	6.078.300.000	6.726.709.091
- Trên 5 năm	500.500.000	847.000.000

22b. Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/09/2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	480.000.000	480.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	520.000.000	1.360.000.000

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước để sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của nhà nước. Thông tin về các lô đất thuê như sau:

TT	Vị trí thửa đất	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê (năm)
1	Xí nghiệp Công Bê Tông phường Thạnh Phước, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	45.161,7	Đến năm 2066
2	Xưởng Bê Tông Long Nguyên xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	34.409,3	Đến năm 2058
3	Xí nghiệp gạch Thuận An phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương,	2.198,6	Đến năm 2054
4	Xí nghiệp đá xây dựng phường Tân Đông Hiệp, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	2.151,3	Đến năm 2062
5	Nhà xưởng và kho Bình Chuẩn phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	2.052,3	Đến năm 2068
6	Đất trồng cây lâu năm Một phần thửa đất số 432, tờ bản đồ số 51, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1.352,4	Đến năm 2070

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

22c. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Sắt thép Tiến Phát	660.504.913	660.504.913
- Công ty TNHH Xây dựng Vân Hải	484.735.894	484.735.894
- Công ty TNHH Lê Phúc Vinh	363.348.930	363.348.930
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hoàng Minh Tâm	211.738.124	211.738.124
- Các đối tượng khác	574.326.330	574.326.330
	2.294.654.191	2.294.654.191

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Doanh thu bán hàng hóa	27.833.680.789	55.248.623.915
Doanh thu bán thành phẩm	47.648.813.943	55.945.278.929
Doanh thu cung cấp dịch vụ	360.992.857	274.575.837
Doanh thu kinh doanh bất động sản	550.636.371	582.363.642
Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.295.471.359	19.283.921.982
	121.689.595.319	131.334.764.305

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Hàng bán bị trả lại: Thành phần công bê tông	17.882.400	-
	17.882.400	-

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.933.491.505	52.492.721.017
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.600.259.537	49.047.438.094
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	397.648.729	553.953.361
Giá vốn kinh doanh bất động sản	132.439.830	114.690.225
Giá vốn của hoạt động xây dựng	41.070.895.014	19.110.254.146
	107.134.734.615	121.319.056.843

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Lãi tiền gửi	144.466.021	282.398.931
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.000	1.048.178.333
Lãi đầu tư trái phiếu	270.861.220	210.214.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	497.871.065	650.090
	913.398.306	1.541.441.354

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Chi phí lãi vay	2.947.879.006	3.755.874.023
Chi phí bán chứng khoán	7.467.285	
Dự phòng/Hoàn nhập tổn thất đầu tư	370.621.500	(2.377.917.075)
	3.325.967.791	1.377.956.948

6. Chi phí bán hàng

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Chi phí khấu hao tài sản cố định, CCDC	48.796.430	46.838.274
Chi phí dịch vụ vận chuyển	5.535.648.392	5.675.445.534
Các chi phí khác	154.206.809	93.785.209
	5.738.651.631	5.816.069.017

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Chi phí cho nhân viên	2.825.865.547	2.096.430.386
Chi phí vật liệu quản lý	24.636.930	41.683.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488.452.155	461.907.375
Dự phòng phải thu khó đòi	8.197.324	305.881.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.977.259	311.272.546
Các chi phí khác	771.553.570	634.105.358
	4.473.682.785	3.851.280.792

8. Thu nhập khác

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	144.500.000	527.272.728
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	25.036.364	-
Thu nhập từ xử lý công nợ	74.533.312	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, lãi chậm thanh toán	401.243.248	294.594.040
Thu nhập từ hoàn nhập bảo hành công trình	-	41.032.435
Thu nhập khác	86.214.963	303.876.208
	731.527.887	1.166.775.411

9. Chi phí khác

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Phạt vi phạm hành chính	150.500.000	6.900.000
Chi phí khác	32.389.862	143.205.975
	182.889.862	150.105.975

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 3-2024	Quý 3-2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.180.287.272	44.328.286.138
Chi phí nhân công	11.723.208.933	9.768.223.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	3.159.462.891	6.079.437.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.320.705.446	18.198.412.080
Chi phí khác	2.557.489.034	3.656.492.074
	89.941.153.576	82.030.851.115

V. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiên Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Đường Đồng Phú - Bình Dương	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty TNHH Đông Dương Sài Gòn (INDOCHINA)	Công ty do Ông Từ Vĩnh Trung - Chủ tịch HĐQT làm Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Khởi nghiệp Sáng tạo Việt Nam (ICM)	Công ty do Ông Nguyễn Việt Đức - Thành viên HĐQT làm Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.417.565.043	57.453.947.460
- Công ty Cổ phần Miền Đông	28.794.510.086	47.230.528.470
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	2.623.054.957	10.223.418.990
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	21.932.152.688	39.635.056.271
- Công ty Cổ phần Miền Đông	21.932.152.688	39.635.056.271
Doanh thu hoạt động tài chính - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.288.274.000
- Công ty Cổ phần Miền Đông	-	2.091.090.000
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	-	3.197.184.000
Chi phí bán hàng	-	2.740.224
- Công ty Cổ phần Miền Đông	-	2.740.224
Thu nhập khác - Lãi phạt chậm thanh toán	1.201.628.385	285.758.040
- Công ty Cổ phần Miền Đông	1.000.410.928	267.784.401
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	201.217.457	17.973.639
Mua tài sản cố định	-	400.000.000
- Công ty Cổ phần Miền Đông	-	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<u>Chức vụ</u>		<u>9 tháng</u> <u>năm 2024</u>	<u>9 tháng</u> <u>năm 2023</u>
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.552.772.720	1.788.233.734
- Ông Từ Vĩnh Trung	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024)	20.000.000	-
- Ông Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024)	16.000.000	50.242.459
- Ông Võ Văn Lãnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	589.120.707	660.938.797
- Bà Bùi Thu Huyền	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024)	20.000.000	-
- Ông Nguyễn Việt Đức	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024)	20.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Sáng	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024)	20.000.000	-
- Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024)	8.000.000	46.152.603
- Ông Bùi Tiến Đức	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024)	16.000.000	44.355.289
- Ông Trần Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 26/04/2024)	401.789.045	474.487.127
- Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng	308.882.039	400.793.885
- Ông Lữ Minh Quân	Người phụ trách Quản trị Công ty	132.980.929	111.263.574

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Nguyễn Thị Cẩm Vân
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.301.450.000	2.190.000.000	(20.100.000)	214.632.363.885	195.240.996.280	562.344.710.165
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(18.753.320.440)	(18.753.320.440)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.585.302.250	(1.981.627.812)	(396.325.562)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(15.030.145.000)	(15.030.145.000)
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(396.325.562)	(396.325.562)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng do trích dự	-	-	-	-	209.255.257	209.255.257
Số dư cuối năm trước	150.301.450.000	2.190.000.000	(20.100.000)	216.217.666.135	159.288.832.723	527.977.848.858
Số dư đầu năm nay	150.301.450.000	2.190.000.000	(20.100.000)	216.217.666.135	159.288.832.723	527.977.848.858
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	8.659.887.266	8.659.887.266
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Số dư cuối kỳ này	150.301.450.000	2.190.000.000	(20.100.000)	216.217.666.135	167.588.719.989	536.277.736.124


Nguyễn Thị Cẩm Vân
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởngVõ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc